TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 14/02/2020
"V/v ly hôn giữa chị anh A và chị B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Công Soạn

2/ Ông Đàm Chí Thân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Tố Tâm - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị C xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 186/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX - ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Lê Bá A 1992.

Nơi ĐKNKTT: Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994.

Nơi ĐKNKTT: Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lê Bá A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào tháng 4/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Gia đình cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân nhau. Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị B để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015, hiện nay anh A đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con, anh có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh A xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày trong bản tự khai và tại phiên tòa: Chị và anh Lê Bá A kết hôn với nhau vào tháng 4/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Gia đình cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân nhau. Nay anh A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của chị B nếu vợ chồng không về đoàn tụ được thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015, hiện nay anh A đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh A và chị B, xong cả hai vẫn giữ nguyên quan điểm về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Toà án đã lập biên bản về việc hoà giải đoàn tụ không thành làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã E, thị xã C nơi anh A và chị B đăng ký hộ khẩu thường trú, ông Lê Xéc Gây trưởng thôn và bà Cao Thị Ngoãn phó chủ tịch UBND xã E, thị xã C cho biết, anh Lê Bá A và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào tháng 4/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

tính cách hai bên không hợp nhau bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân nhau. Nay anh A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu vợ chồng không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống vợ chồng anh A, chị B có 01 con chung Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015, hiện nay anh A đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu vợ chồng không về đoàn tụ đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của cháu G cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS là đã chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

3.Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bá A. Xử anh Lê Bá A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Giao cháu Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015 cho anh Lê Bá A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Bá A khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị B có địa chỉ Xóm D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh theo quy đinh tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh Lê Bá A và chị Nguyễn Thị B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Anh A và chị B sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh A xác định tình cảm giữa anh và chị B không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị B. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Lê Bá A với chị Nguyễn Thị B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân anh A và chị B có 01 con chung Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015, anh A và chị B đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, trong bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải và tại phiên toà, anh A và chị B vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hai bên đều không yêu cầu phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các tài liệu đương sự giao nộp cũng như do Tòa án tiến hành thu thập và tại phiên tòa thì thấy hiện nay anh A có tiệm cắt tóc, gội đầu tại Xóm D, xã E, thị xã C ngoài ra còn góp vốn nuôi trồng thủy sản cùng với bố mẹ đẻ, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10 đến 15 triệu đồng và có chỗ ở ổn định, còn chị B hiện nay đang làm việc tại Công ty TNHH H có văn phòng đại diện tại tầng I, tòa nhà K, số L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, mặc dù có thu nhập bình quân từ 08 đến 09 triệu đồng một tháng xong chỗ ở không ổn định. Từ khi

hai bên sống ly thân anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại cháu G được anh A và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng rất chu đáo.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, mặt khác để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần về lâu dài cũng như theo nguyện vọng của con chung, nên giao cháu G cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Trong bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh A không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này anh A có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên anh A phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bá A.

Tuyên xử :

1. *Về hôn nhân:* Anh Lê Bá A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Nguyễn Duy G, sinh ngày 30/9/2015 cho anh Lê Bá A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Lê Bá A phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn anh A đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001564 ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

4. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- VKSND TX C;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX C;
- Các đương sự;
- UBND xã E, TX C (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Điền